

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày: 31-12-2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2021/QĐXXST-DS ngày 01/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2021/QĐHPT-DS ngày 14/12/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Thu T, sinh năm 19xx; địa chỉ: Số 11/60, Khu phố 4, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Bảo A, sinh năm 19xx, địa chỉ: ấp Thuận Bình, xã Truông Mít, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Địa chỉ tạm trú: Số xxx Phạm Ngọc Thạch, Khu phố 4, phường P, thành phố M, tỉnh Bình Dương – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2021). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Võ Thúy V, sinh năm 1984; địa chỉ: Số xx Lê Hồng Phong, Tổ 3, Khu phố 4, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thái TT, Sinh năm: 19xx. Địa chỉ: Số xx Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 3, khu 9, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương – Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 04/5/2021). Có mặt

3. Người làm chứng: Ông Võ Thanh T, Sinh năm: 1982. Địa chỉ: Số xx Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 3, khu 9, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2021, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Lương Thị Thu T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Bảo A thống nhất trình bày:

Giữa bà Lương Thị Thu T và bà Võ Thúy V là chỗ quen biết nhau, do có nhu cầu cần tiền nên bà V có vay tiền của bà T với tổng số tiền vay là 650.000.000đồng. Việc vay tiền diễn ra làm 04 lần, cụ thể như sau:

- Ngày 04/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 200.000.000đ, thời gian từ ngày 04/11/2020 đến 24/11/2020. Số tiền lãi phải trả là 14.000.000đ

- Ngày 12/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 200.000.000đ, thời gian từ ngày 12/11/2020 đến 02/12/2020. Số tiền lãi phải trả là 14.000.000đ

- Ngày 20/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 200.000.000đ, thời gian từ ngày 20/11/2021 đến ngày 09/12/2020. Số tiền lãi phải trả là 14.000.000đ

- Ngày 22/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 50.000.000đ, thời gian từ ngày 22/11/2021 đến ngày 12/12/2020. Số tiền lãi phải trả là 3.500.000đ

Khi đến hạn cam kết thanh toán nợ và lãi nhưng bà V không thực hiện như cam kết và có ý tránh mặt.

Vì vậy, bà T khởi kiện đối với bà V yêu cầu thanh toán số tiền nợ đã vay là 650.000.000đồng và tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 12/12/2020 đến ngày xét xử 31/12/2021 là 12 tháng 19 ngày, lãi suất yêu cầu tính là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tương đương số tiền lãi 68.156.770đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi đồng).

* Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Thái T trình bày:

Bà T là bạn của anh trai bà V tên Võ Thanh T, sinh năm: 1982, địa chỉ: Số xx Nguyễn Thị Minh Khai, tổ 3, khu 9, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do là chỗ quen biết nên khi bà V gặp khó khăn bà T có cho bà V mượn một số tiền như sau:

Ngày 04/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 200.000.000đ, thời gian từ ngày 04/11/2020 đến 24/11/2020 và số tiền lãi phải trả là 14.000.000đ.

Ngày 12/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 200.000.000đ, thời gian từ ngày 12/11/2020 đến 02/12/2020 và số tiền lãi phải trả là 14.000.000đ.

Ngày 20/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 200.000.000đ, thời gian từ ngày 20/11/2021 đến ngày 09/12/2020 trả và số tiền lãi phải trả là 14.000.000đ.

Ngày 22/11/2020 bà T cho bà V mượn số tiền 50.000.000đ, thời gian từ ngày 22/11/2021 đến ngày 12/12/2020 trả và số tiền lãi phải trả là 3.500.000đ.

Trong quá trình mượn nợ trên, bà V đã trả cho bà T hết tiền lãi theo thỏa thuận trong giấy mượn tiền với tổng số tiền lãi đã thanh toán là 45.500.000đồng và 220.000.000 đồng tiền vốn trong đó: chuyển khoản 02 lần, mỗi lần 50.000.000đồng (tổng cộng chuyển khoản là 100.000.000đ) vào số tài khoản: 5500205446xxx của bà Lương Thị Thu T tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam vào ngày 28/11/2020 và ngày 12/12/2020. Ngoài ra, bà V đã trực tiếp đưa tiền mặt cho bà T số tiền 120.000.000đ, do quen biết tin tưởng nên không làm giấy giao nhận tiền. Tuy

nhiên, ngày 23/01/2021, bà T có dùng số điện thoại 0967566xxx của bà T nhắn tin qua số điện thoại 0988 997xxx của ông T (anh trai bà V đồng thời là bạn bà T) xác nhận số tiền nợ bà V còn nợ của bà T là 430.000.000đ đúng như số tiền bà V đã thanh toán cho bà T

Như vậy, đến nay bà V chỉ còn nợ bà T số tiền vốn là 430.000.000đ (Bốn trăm ba mươi triệu đồng).

Do đó, hiện nay bà T khởi kiện yêu cầu bà V phải thanh toán cho bà T tổng số tiền nợ gốc là 650.000.000đ thì bà V không đồng ý. Bà V chỉ đồng ý thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc còn lại là 430.000.000đ.

Về yêu cầu tính lãi của bà T, phía bà V thống nhất thanh toán tiền lãi tính từ ngày 12/12/2020 đến ngày xét xử 31/12/2021, với mức lãi suất là 0.83%/tháng, tính trên số nợ gốc là 430.000.000đ và xem xét khấu trừ số tiền lãi 45.500.000đ mà bà V đã thanh toán cho bà T.

* Tại bản tự khai nộp cho Tòa án, tại phiên hoa giải, người làm chứng ông Võ Thanh T trình bày:

Ông T là bạn của Bà Lương Thị Thu T, đồng thời là anh bà Võ Thúy V. Tháng 11/2021, bà T cho bà V vay mượn tiền như thế nào thì ông T không được biết. Khi đến thời hạn thanh toán, bà V không thanh toán nợ cho bà T. Do đó, ngày 23/01/2021, bà T có dùng số điện thoại 0967566xxx gọi điện thoại, nhắn tin vào số điện thoại của ông T là 0988997xxx với nội dung là T có cho V mượn số tiền là 650.000.000 đồng, V đã trả được 220.000.000 đồng và xác nhận số tiền nợ bà V còn nợ của bà T là 430.000.000đ. Qua đó T nhờ ông T và gia đình tác động để V thanh toán số tiền trên cho T. Ngoài ra ông T không biết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa, các đương sự có ý kiến như sau:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định, sau khi vay, bà V chưa thanh toán tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà T. Vì vậy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau: Buộc bà V phải thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc là 650.000.000đ và 68.156.770đ tiền lãi. Tổng số tiền bà T yêu cầu bà V phải thanh toán là 718.156.770đ. Đối với nội dung thể hiện tại sao kê tài khoản của bà V cũng như của bà T thì không thể hiện việc thanh toán cho khoản vay nào và hai bên cũng chưa xác nhận việc thanh toán này. Về nội dung làm chứng của ông Võ Thanh T là không bảo đảm tính khách quan vì ông T là anh của bà V.

- Đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác định, phía bà V không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, do trong quá trình vay nợ thì bà V đã thanh toán cho bà T tiền gốc là 220.000.000đ thể hiện qua việc chuyển khoản vào tài khoản của bà T 02 lần với tổng số tiền 100.000.000đ và đưa tiền mặt 120.000.000đ, việc thanh toán nợ gốc đã được bà T xác nhận khi bà T liên lạc với ông T đề nhờ ông T tác động yêu cầu bà V thanh toán nợ cho bà T. Về tiền lãi thì bà V thống nhất về thời điểm tính lãi theo yêu cầu của phía bà T là từ ngày 12/12/2020 đến ngày 31/12/2021 là 12 tháng 19 ngày với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tuy nhiên, bà V yêu cầu tính trên số tiền gốc là 430.000.000đ và yêu cầu khấu trừ số tiền lãi mà bà V đã thanh toán cho bà T là 45.500.000đ, việc thanh toán lãi được thanh toán qua chuyển khoản 02 lần với số tiền 28.000.000đ, số tiền còn lại là 17.500.000đ thì bà V giao tiền mặt cho bà T nhưng không làm văn bản xác nhận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố M thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử. Quá trình điều tra, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, tiếp cận công khai chứng cứ và tổng đạt văn bản tố tụng được Tòa án thực hiện đúng quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng là ông Võ Thanh T vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên ông T đã có bản tự khai nộp cho Tòa án và việc vắng mặt của ông T không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Quá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, cụ thể số tiền nợ gốc mà bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn là 430.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 12/12/2020 đến ngày 31/12/2021, theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Tuy nhiên, cần khấu trừ số tiền lãi 28.000.000đ mà bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được thể hiện tại sao kê tài khoản của hai bên. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc yêu cầu thanh toán số nợ gốc là 220.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên, ý kiến trình bày của đương sự có mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Thu T là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn là bà Võ Thúy V có địa chỉ cư trú tại phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Bình Dương.

[2]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên có sự mâu thuẫn về số tiền gốc và tiền lãi đã thanh toán cho nhau. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành triệu tập trực tiếp đối với nguyên đơn là bà Lương Thị thu T, bị đơn là bà Võ Thúy V và người làm chứng là ông Võ Thanh T đến Tòa án để tham gia phiên đối chất. Tuy nhiên, bà V và ông T có mặt tại các phiên đối chất, bà T vắng mặt không có lý do.

[3]. Về nội dung giải quyết tranh chấp: Xét nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử nhận định: Vào các ngày 04/11/2020, 12/11/2020, 20/11/2020 và ngày 22/11/2020, giữa bà Võ Thúy V và bà Lương Thị Thu T đã xác lập văn bản “Giấy Mượn Tiền”, thể hiện nội dung: Bà Võ Thúy V có vay của bà Lương Thị Thu T 04 lần, với tổng số tiền là 650.000.000đ. Việc xác lập hợp đồng có nội dung như trên giữa bà V với bà T là hoàn toàn tự nguyện, được các bên thừa nhận, nội dung của hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó các thỏa thuận trong hợp đồng phải được các bên tôn trọng, thực hiện. Khi đến hạn thanh toán, bà V không thực hiện đúng như cam kết về thời hạn thanh toán cho bà T. Vì vậy, bà T khởi

kiện đối với bà V đề yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Bà T khởi kiện yêu cầu bà V phải thanh toán tổng số tiền nợ gốc là 650.000.000đ và 68.156.770đồng tiền lãi. Tổng số tiền bà Tyêu cầu bà V phải thanh toán là 718.156.770đồng. Tuy nhiên, yêu cầu của bà Tg không được bà V chấp nhận toàn bộ. Bà V chỉ đồng ý thanh toán cho bà T số nợ gốc còn lại là 430.000.000đ. Về tiền lãi thì bà V thống nhất về thời điểm tính lãi theo yêu cầu của phía bà T là từ ngày 12/12/2020 đến ngày 31/12/2021 là 12 tháng 19 ngày với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tuy nhiên, bà V yêu cầu tính lãi trên số tiền gốc là 430.000.000đ và yêu cầu khấu trừ số tiền lãi mà bà V đã thanh toán cho bà T là 45.500.000đ.

[5] Xét số tiền gốc các bên đã thanh toán cho nhau, Hội đồng xét xử nhận thấy: Qua đối chiếu giữa sao kê tài khoản số 5500205446xxx mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam mang tên chủ tài khoản là bà Lương Thị Thu T với số tài khoản 634704060001xxx mở tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam mang tên chủ tài khoản là bà Võ Thúy V, đã xác định; Bà V đã chuyển khoản cho bà T vào các ngày 28/11/2020 chuyển 50.000.000đ, ngày 12/12/2020 chuyển 50.000.000đ với tổng số tiền 100.000.000đ. Mặt khác, tại tin nhắn từ số 0967566561 của bà T nhắn tin đến số điện thoại 0988997xxx của ông T vào ngày 26/01/2021 đã thể hiện nội dung bà T xác định bà V chỉ còn nợ tiền gốc là $650 - 220 = 430$. Điều đó cho thấy, việc bà V xác định đã thanh toán cho bà T tổng số tiền gốc 220.000.000đ là có căn cứ xem xét.

[6]. Đối với yêu cầu về tiền lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T yêu cầu bà V phải thanh toán tiền lãi phát sinh được tính từ ngày 12/12/2020 đến ngày xét xử 31/12/2021 là 12 tháng 19 ngày, số tiền gốc yêu cầu tính lãi là 650.000.000đồng, lãi suất yêu cầu tính là 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, tương đương số tiền 68.156.770đồng (Sáu mươi tám triệu một trăm năm mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi đồng). Bị đơn là bà V thống nhất về mức lãi suất và thời gian tính lãi, không thống nhất về số nợ gốc tính lãi như yêu cầu của bà T. Tuy nhiên, từ nhận định trên (đoạn 5), chỉ có cơ sở xác định số nợ gốc bà V còn nợ đối với bà T là 430.000.000đ. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ vào mức lãi suất và thời gian tính lãi, đã thống nhất giữa các bên để xác định lại số tiền lãi trên cơ sở số nợ gốc 430.000.000đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất cụ thể như sau: Số tiền gốc tính lãi là 430.000.000đồng, lãi suất 10%/năm, thời gian tính lãi là 12 tháng 19 ngày, tương đương số tiền lãi mà bà V phải thanh toán cho bà T là 45.238.356đồng.

[7]. Bà V xác định đã thanh toán lãi cho bà T số tiền 45.500.000đ, việc trình bày của và V không được phía bà T thừa nhận. Tuy nhiên, qua đối chiếu tại bản sao kê tài khoản của các bên như trên, đã xác định: Bà V đã chuyển khoản cho bà T ngày 12/11/2020 chuyển 14.000.000đ, ngày 20/11/2020 chuyển 14.000.000đ, với tổng số tiền là 28.000.000đ. Ngoài ra, bà V không cung cấp được chứng cứ nào khác về việc đã thanh toán 17.500.000đ tiền lãi trong tổng số tiền lãi 45.500.000đ. Vì vậy, chỉ có căn cứ xác định việc bà V đã thanh toán cho bà T số tiền lãi 28.000.000đ và cần khấu trừ vào tổng số tiền lãi 45.238.356đồng mà bà V phải thanh toán cho bà T là phù hợp quy định của pháp luật. Cần buộc bà V có trách nhiệm thanh toán cho bà T số tiền lãi còn lại tính đến ngày 31/12/2021 là 17.238.356đồng.

[8]. Từ các nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Thu T với bà Võ Thúy V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[9]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ xem xét.

[10]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thu T với bị đơn bà Võ Thúy V về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Võ Thúy V có trách nhiệm thanh toán cho bà Lương Thị Thu T số tiền 430.000.000đồng (Bốn trăm ba mươi triệu đồng) tiền nợ gốc và 17.238.356đồng tiền lãi. Tổng số tiền bà Võ Thúy V phải thanh toán cho bà Lương Thị Thu T là 447.238.356đồng (Bốn trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng).

Kể từ ngày 01/01/2022, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị Thu T với bị đơn bà Võ Thúy V về việc yêu cầu thanh toán số tiền 220.000.000đ tiền nợ gốc và 50.918.414đồng tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Võ Thúy V phải chịu số tiền 21.889.500đồng (Hai mươi một triệu tám trăm tám mươi chín nghìn năm trăm đồng).

- Bà Lương Thị Thu T phải chịu 13.545.900đ (Mười ba triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm đồng). Được khấu trừ vào số tiền 15.323.700đ (mười lăm triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số AA/2016/005285 ngày 06/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M hoàn trả cho bà Lương Thị Thu T số tiền 1.777.800 đồng (Một triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.TDM;
- Chi cục THADS TP.TDM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, Tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thiện